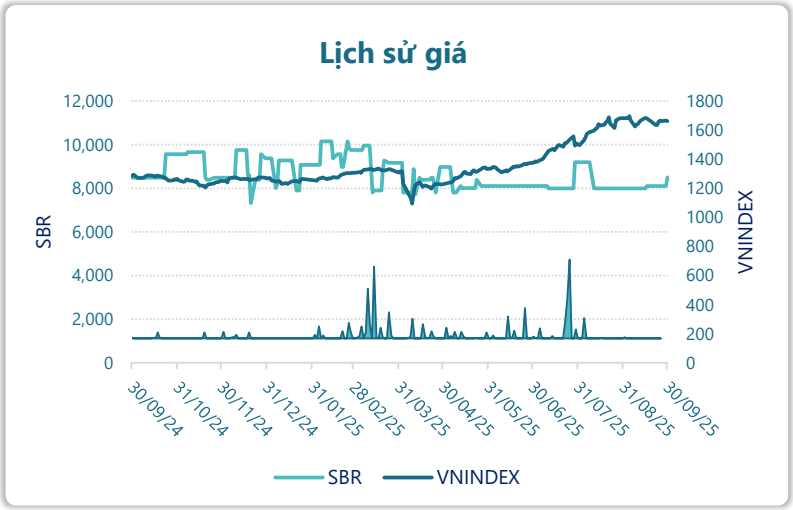
FireAnt

CTCP Cao su Sông Bé (UPCOM: SBR)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**8,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,149
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,319
SL cổ phiếu LH	81,396,192
KLGD BQ 20 phiên (CP)	65
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	692
P/E	12.3
EPS	694

DT thuần

Q3/25

100

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 80.6| 417%

YoY: ▼5.00| -4.5%

LN sau thuế

Q3/25

-5.57

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.80| -232%

YoY: ▼23.0| -132%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-6.9%

+/- YoY: ▼ 25.0%

DT thuần

9T 2025

220

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 39.0| 21.9%

LN sau thuế

9T 2025

21.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 9.60| 84.2%

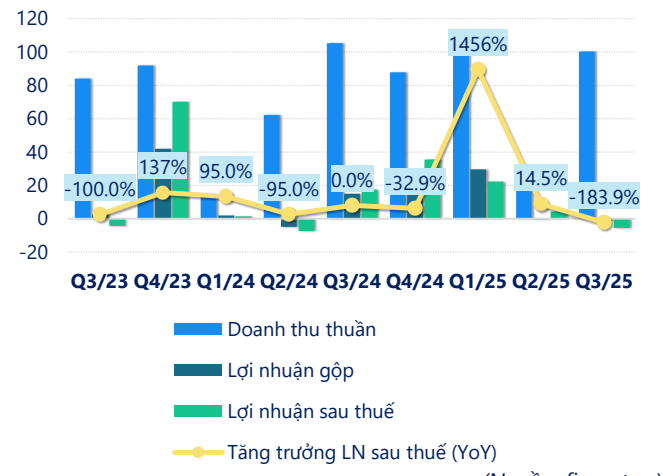
ROE

Q3/25

6.8%

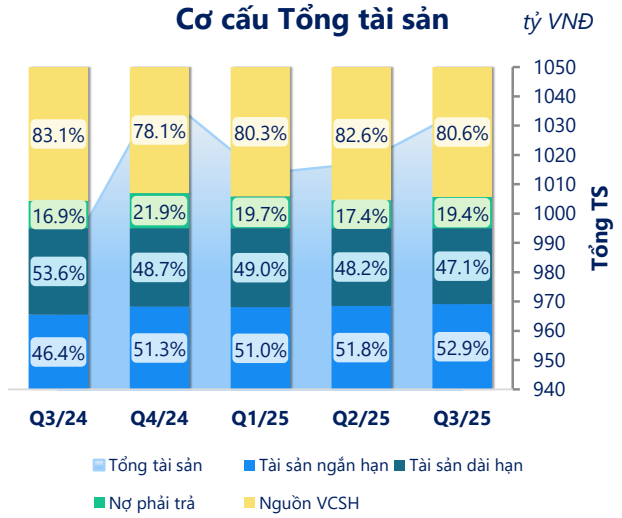
+/- YoY: ▼ 3.3%

Kết quả kinh doanh



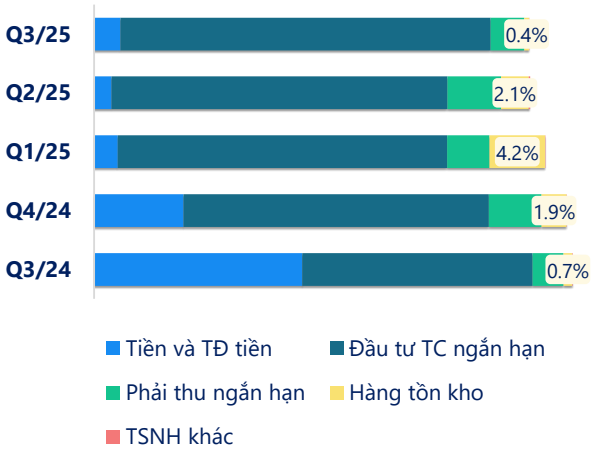
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



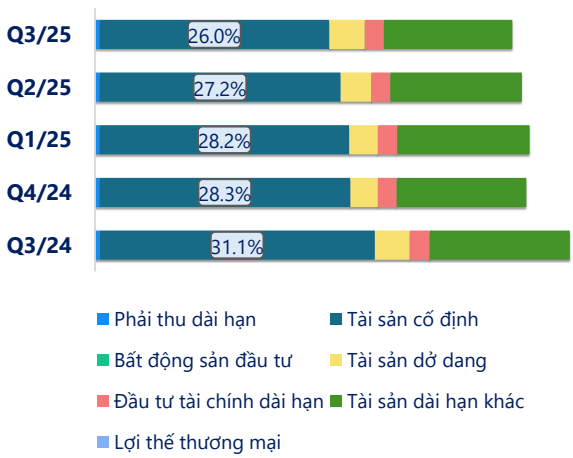
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



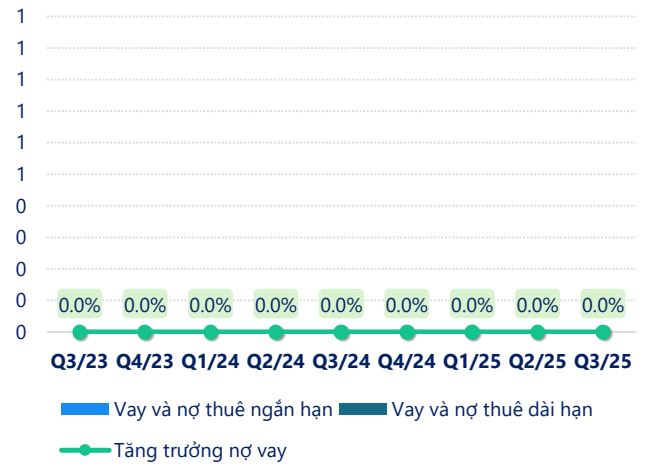
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



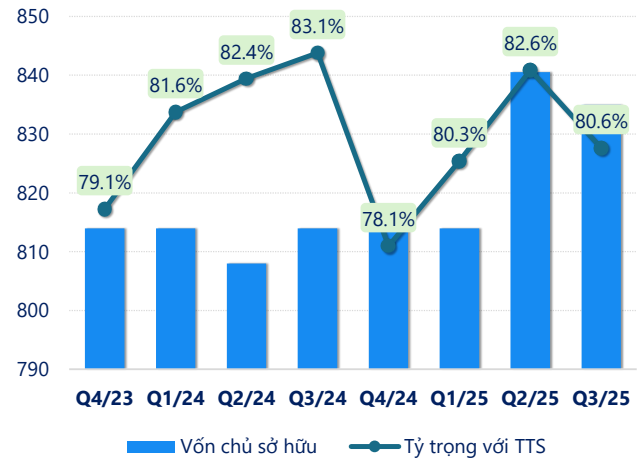
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



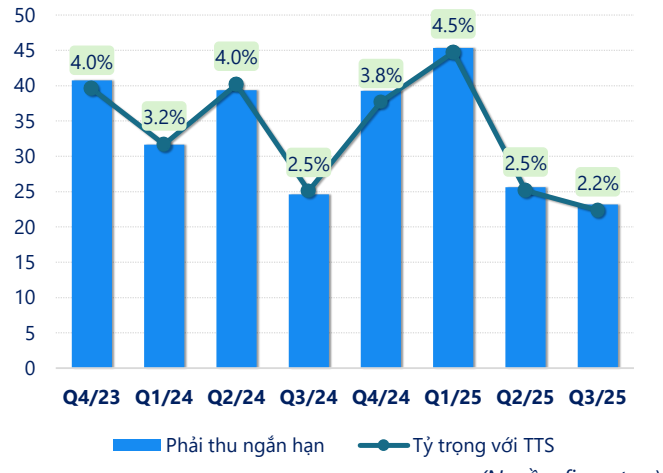
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



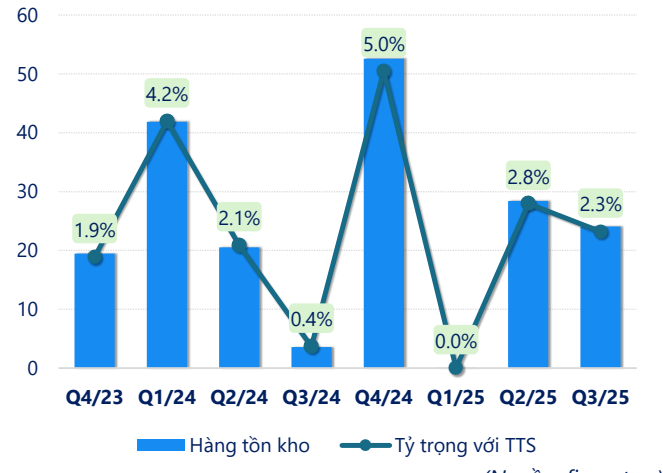
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



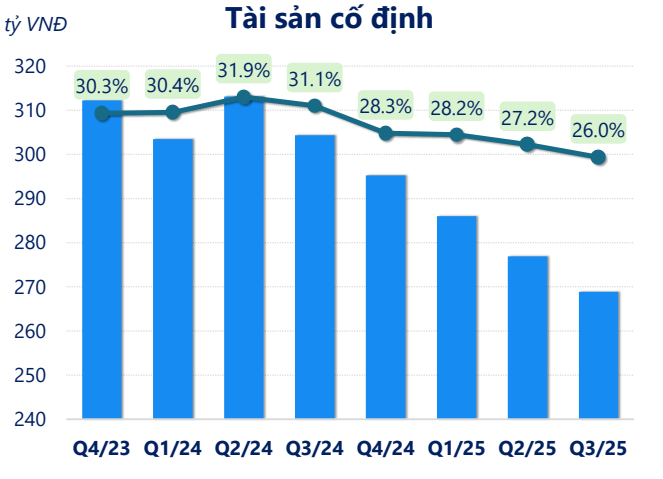
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



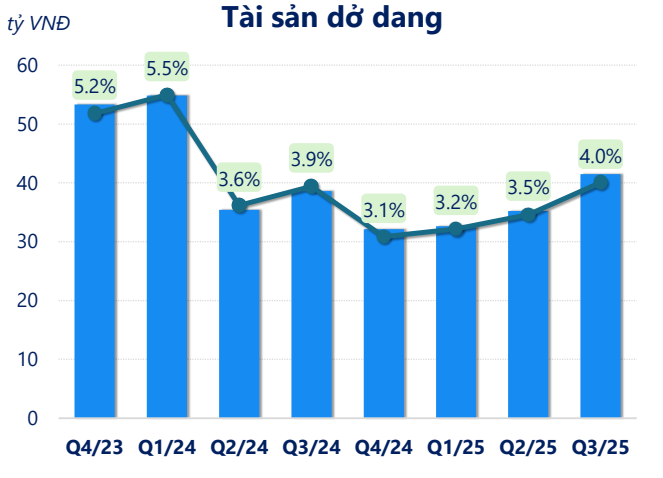
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



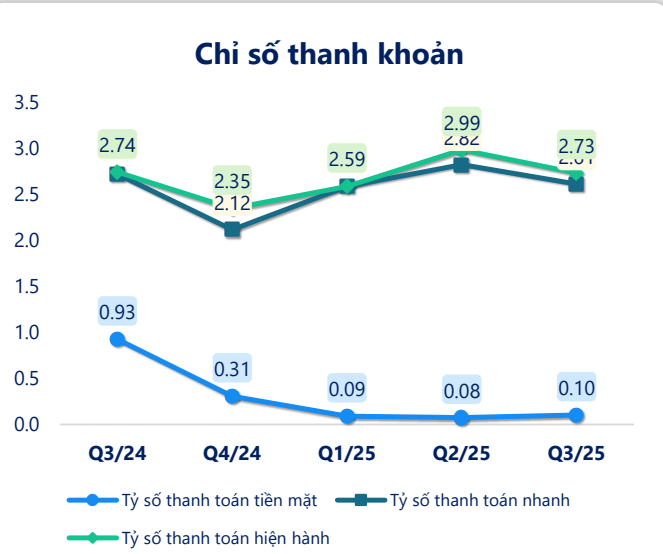
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



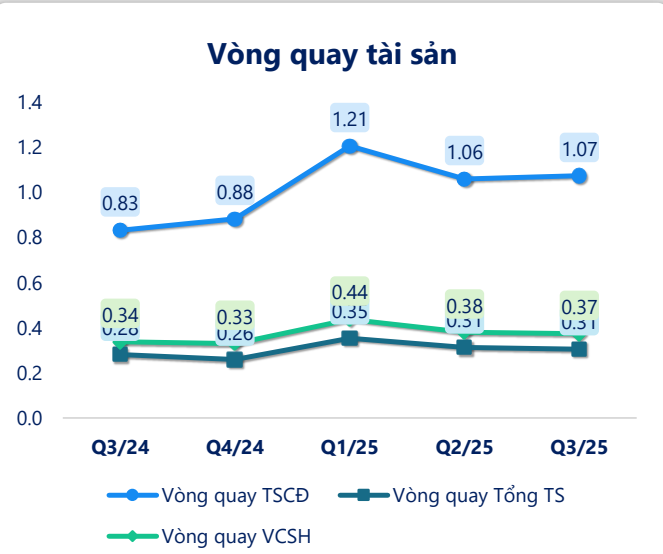
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**980**	**1,042**	**1,014**	**1,017**	**1,035**
Tài sản ngắn hạn	**455**	**535**	**517**	**527**	**548**
Tiền và tương đương tiền	154	70.0	18.1	13.3	20.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	273	373	453	460	480
Phải thu ngắn hạn	24.6	39.3	45.3	25.6	23.2
Hàng tồn kho	3.60	52.6	0.02	28.4	24.0
Tài sản ngắn hạn khác	0.04	0.07	0.35	0.02	0.05
Tài sản dài hạn	**525**	**507**	**497**	**490**	**487**
Phải thu dài hạn	5.00	5.00	5.00	5.00	5.00
Tài sản cố định	304	295	286	277	269
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	38.6	32.1	32.6	35.2	41.5
Đầu tư tài chính dài hạn	22.0	22.0	22.0	22.0	22.0
Tài sản dài hạn khác	155	153	151	151	150
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**166**	**228**	**200**	**177**	**200**
Nợ ngắn hạn	**166**	**228**	**200**	**177**	**200**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	2.41	2.37	1.89	7.60	7.38
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**814**	**814**	**814**	**841**	**835**
Vốn chủ sở hữu	**814**	**814**	**814**	**841**	**835**
Vốn điều lệ	814	814	814	814	814
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)